BAN QUẢN LÝ CÁC KCX VÀ CN TP. HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

BẢNG TỔNG KẾT KẾT QUẢ HỌC TẬP NĂM 2010 - 2011 - LẦN CUỐI

(Lấy kết quả điểm thi lần cuối)

Lớp học: Tin học ứng dụng - K12 **Ngành:** Công nghệ thông tin **Hệ ĐT:** Cao đẳng chính quy

STT	MÃ SỐ	HỌ VÀ TÊN		Tin học Đại cương	Toán ứng dụng 1	NL CB của CN Mác-Lênin (HP1)	Kinh tế học	Anh văn cơ bản 1	Giáo dục thể chất 1	Vật lý Đại cương 1	Tâm lý giao tiếp	NL CB của CN Mác-Lênin (HP2)	Giáo dục thể chất 2	Ngoại ngữ căn bản 2	Kiến trúc máy tính	Cơ sở Lập trình	Vật lý đại cương 2	Xác suất thống kê	Toán ứng dụng 2										ĐIỂM TBC	ĐIỂM RÈN LUYỆN	SỐ MÔN <5	ĐVHT KĐ	XL TBCHT
				4	3	4	3	2	1	2	2	5	1	4	3	5	2	3	2										46				
1	08101B0026	Nguyễn Tăng	Lợi	4	6	7	5	8	0	5	6	5	0	4	5	6	5	5	3										**5.24**		3	10	TB
2	0910010011	Trần Văn	Hải	5	6	5	6	6	0	5	7	6	0	5	5	6	6	5	6										**5.55**		1	4	TB
3	0910010033	Hoàng Vĩnh	Ngọc	7	6	6	6	3	0	5	6	5	0	5	5	5	5	7	6										**5.55**		1	2	TB
4	0910010038	Nguyễn Văn	Quanh	7	5	6	5	6	0	5	7	5	0	4	5	6	5	6	5										**5.50**		1	4	TB
5	0910010040	Nguyễn Phương	Tài	5	6	6	5	6	0	5	5	5	0	5	5	2	8	6	5										**5.02**		2	9	TB
6	0910010044	Kiều Văn	Thành	5	5	5	5	7	0	5	6	6	0	4	6	5	4	6	6										**5.27**		2	6	TB
7	1010010001	Đinh Hoàng	Dũng	7	5	7	4	7	9	7	6	5	8	5	5	7	5	6	5										**5.80**		1	3	TB
8	1010010002	Lâm Vĩnh	Duy	7	5	5	6	5	7	6	6	6	0	4	5	6	5	7	5										**5.61**		1	4	TB
9	1010010004	Hồ Quang	Hưng	7	5	6	6	6	8	6	6	6	7	6	5	7	5	7	5										**6.05**				TB Khá
10	1010010006	Nguyễn Hiếu	Nghĩa	6	5	5	6	6	0	5	6	6	6	6	5	4	5	6	6										**5.45**		1	5	TB
11	1010010008	Phạm Nguyễn Võ Minh	Nhân	0	7	6	7	5	7	8	7	7	9	6	6	7	7	6	6										**5.89**		2	6	TB
12	1010010009	Lê Mạnh	Quân	5	6	6	6	4	8	6	7	5	9	4	6	7	5	6	6										**5.59**		2	6	TB
13	1010010010	Võ Thị Phương	Quỳnh	6	5	5	6	7	7	4	6	6	7	5	6	7	5	5	6										**5.70**		1	2	TB
14	1010010011	Nguyễn Minh	Tân	9	5	6	6	4	7	5	6	5	7	6	4	6	5	6	6										**5.77**		2	5	TB
15	1010010013	Nguyễn Hồng	Thái	6	7	7	4	4	7	5	7	7	9	6	5	3	6	7	6										**5.70**		3	10	TB
16	1010010016	Phạm Bội Anh	Thuyên	7	9	7	5	6	9	7	7	7	8	7	6	7	10	8	8										**7.11**				Khá

STT	MÃ SỐ	HỌ VÀ TÊN		Tin học Đại cương	Toán ứng dụng 1	NL CB của CN Mác-Lênin (HP1)	Kinh tế học	Anh văn cơ bản 1	Giáo dục thể chất 1	Vật lý Đại cương 1	Tâm lý giao tiếp	NL CB của CN Mác-Lênin (HP2)	Giáo dục thể chất 2	Ngoại ngữ căn bản 2	Kiến trúc máy tính	Cơ sở Lập trình	Vật lý đại cương 2	Xác suất thống kê	Toán ứng dụng 2										ĐIỂM TBC	ĐIỂM RÈN LUYỆN	SỐ MÔN <5	ĐVHT KĐ	XL TBCHT
				4	3	4	3	2	1	2	2	5	1	4	3	5	2	3	2										46				
17	1010010017	Lê Kim	Tú	7	6	7	5	4	7	5	6	7	8	4	5	7	7	6	6										5.98		2	6	TB
18	1010010019	Đoàn Ngọc	Tùng	6	7	5	5	6	8	6	7	6	8	5	6	7	5	6	6										5.91				TB
19	1010010020	Nguyễn Duy	Vương	5	5	6	0	5	7	5	7	6	7	5	5	6	4	5	7										5.11		2	5	TB

Tổng danh sách này có:19 sinh viên

Xếp loại	SL	Tỷ lệ	Xếp loại	SL	Tỷ lệ
Xuất sắc	0	0.00	TB Khá	1	5
Giỏi	0	0.00	Trung bình	17	89
Khá	1	5.26	Yếu kém		

TP. Hồ Chí Minh, ngày ..../..../.....

Trưởng Phòng Đào Tạo

Người lập bảng